truefriend KIS Viet Nam Securities Corporation

Ngành
Báo cáo ngắn

Tài chính
16/11/2026

Ngân hàng

Duy trì đà tăng trưởng

Trung lập

Tăng trưởng lợi nhuận 3Q26 vững chắc

- 20 trên 27 ngân hàng ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận n/n trong 3Q26, trong khi diễn biến theo quý chịu áp lực từ hiệu ứng mức nền cao của VCB. LNTT (PBT) 3Q26 của 27 ngân hàng niêm yết tăng vọt +21.0% n/n (-4.6% q/q, hoặc +1.2% theo quý nếu loại trừ VCB). Nhờ động lực này, lợi nhuận lũy kế 9T26 tăng +20.0% n/n, hoàn thành gần 75.0% kế hoạch cả năm.
- Điểm nhấn chính trong 3Q26: (1) Tăng trưởng lợi nhuận toàn ngành hạ nhiệt trên cơ sở số liệu tổng hợp, nhưng đà tăng trưởng khi loại trừ VCB vẫn được duy trì, dẫn đầu về giá trị tuyệt đối bởi CTG, VCB, VPB, BID, MBB và TCB; (2) thu nhập phí ròng như động lực tăng trưởng mới; và (3) chi phí vốn đang dần bắt kịp lợi suất tài sản.
- Nhóm tăng trưởng mạnh và suy giảm (3Q26, n/n): Nhóm tăng trưởng nổi bật bao gồm NVB (+3.4 lần), ABB (+99.0%), SHB (+57.0%), TPB (+57.0%), MBB (+42.0%), BID (+39.0%) và SSB (+38.0%). Ngược lại, nhóm suy giảm mạnh gồm SGB (-79.0%), EIB (-67.0%), STB (-52.0%), BVB (-19.0%), KLB (-13.0%) và PGB (-10.0%), trong khi VCB đi ngang (-0.2% n/n).

Hoạt động kinh doanh cốt lõi duy trì tích cực

- Tín dụng toàn hệ thống tăng +11.6% svđn trong 9T26 (+16.7% n/n, đạt 20.7 triệu tỷ đồng so với +13.9% svđn trong 9T25) và tăng tốc lên +12.3% svđn vào cuối tháng 10 so với mục tiêu cả năm là 15.0%.
- Dư nợ cho vay tăng +12.5% svđn (+3.3% q/q), với 6 ngân hàng vượt mức bình quân toàn hệ thống (NVB, HDB, VPB, LPB, MBB, TCB). Tiền gửi khách hàng tăng +10.7% svđn (+5.0% q/q), thấp hơn TTTD.
- NIM toàn ngành đi ngang n/n khi mức tăng của lợi suất tài sản tương xứng với chi phí vốn gia tăng. NIM toàn ngành (27 ngân hàng) đạt 3.11% (-4 điểm cơ bản theo quý, đi ngang n/n). Xét theo quý, 14/27 ngân hàng ghi nhận sự mở rộng NIM trong 3Q26.
- Tỷ lệ CASA toàn ngành nhìn chung duy trì ổn định trong 3Q26, cải thiện theo quý là 12/27 ngân hàng và cải thiện n/n là 11/27 ngân hàng. Các ngân hàng dẫn đầu ghi nhận sự thu hẹp nhẹ từ 2Q26 sang 3Q26: TCB (từ 35.0% xuống 32.5%), MBB (từ 34.4% xuống 34.0%), VCB (từ 32.8% xuống 32.2%) và CTG (từ 23.2% xuống 23.1%).
- Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh +38.0% n/n (+2.2% q/q) trong 3Q26 và +24% n/n trong 9T26, được thúc đẩy bởi sự phục hồi mạnh mẽ của thu nhập thuần từ dịch vụ (+77.0% n/n / +7.5% theo quý) và kinh doanh ngoại hối (+38.0% n/n / +56.0% theo quý). Các ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng n/n về thu nhập dịch vụ trong 3Q26 bao gồm STB (+5.3 lần), LPB (+3.0 lần), TCB (+60.0%), CTG (+57.0%) và VPB (+29.1%), trong khi thu nhập phí của VCB giảm nhẹ -3.6% n/n

Phòng Phân Tích
Research@kisvn.vn

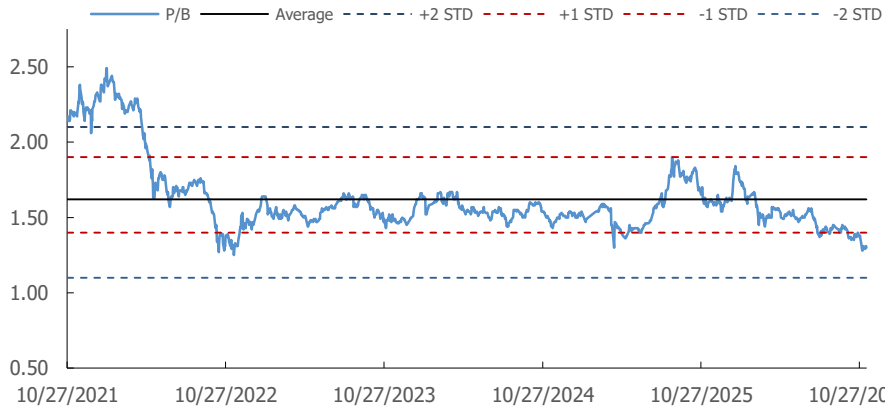
Analysts who prepared this report are registered as research analysts in Vietnam but not in any other jurisdiction, including the U.S.
PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS AT THE END OF THIS REPORT.

- Chất lượng tài sản suy giảm: Tỷ lệ nợ xấu (NPL) nhóm 3–5 toàn ngành nhích nhẹ từ 2.00% trong 2Q26 lên 2.10% trong 3Q26; tỷ lệ nợ nhóm 2–5 tăng từ 3.40% lên 3.70% theo quý. Chỉ có 5 trên 27 ngân hàng (BVB, EIB, NVB, STB và VPB) ghi nhận nợ nhóm 3–5 giảm trong 3Q26.
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) giảm: LLCR toàn ngành giảm từ 79% trong 2Q26 xuống 75% trong 3Q26. Các ngân hàng dẫn đầu duy trì bộ đệm LLCR có sự thay đổi từ 2Q26 sang 3Q26 như sau: VCB (từ 279% xuống 243%), CTG (từ 134% lên 160%), BAB (từ 135% xuống 127%), TCB (từ 126% xuống 107%) và ACB (từ 105% xuống 91.0%).

4Q26F: Tăng trưởng lợi nhuận duy trì kèm rủi ro gia tăng

- Động lực hỗ trợ: Kết quả kinh doanh toàn ngành trong 4Q26F có thể được hỗ trợ bởi nhu cầu tín dụng mùa vụ, đà tăng trưởng thu nhập phí duy trì và tiếp tục kiểm soát chi phí hoạt động. Rủi ro chính: (1) Áp lực thu hẹp NIM từ việc giảm lãi suất cho vay theo định hướng chính sách so với lãi suất huy động giảm chậm hơn của NHNN: Lãi suất cho vay giảm 1.5–2.0%/năm so với lãi suất tiền gửi giảm ≥0.5%/năm; (2) áp lực trích lập dự phòng gia tăng khi nợ xấu đi lên; (3) hiệu ứng mức nền cao tại các ngân hàng có khoản lãi đột biến trong 4Q25.

Biểu đồ 1. Dữ liệu P/B lịch sử của ngành ngân hàng



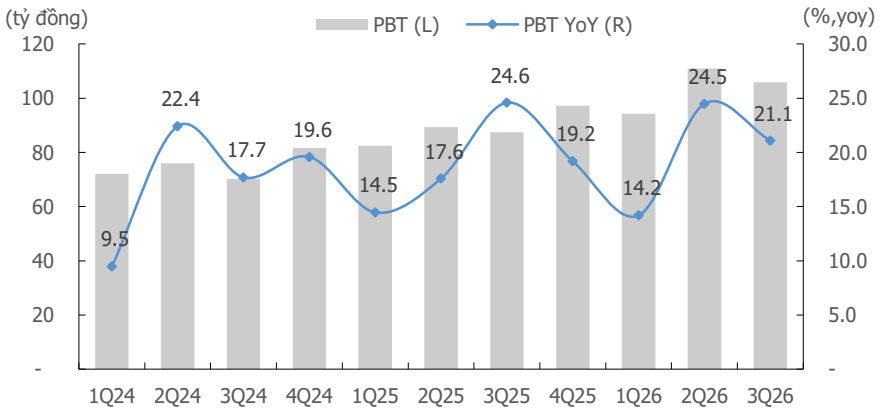
Nguồn: FiinproX, KIS Research, ngày 12/11/2026

Thông tư 50/2026/TT-NHNN: Hướng tới chuẩn mực Basel III

- Nhằm tăng cường sự ổn định bền vững trong hoạt động ngân hàng và tiệm cận các chuẩn mực Basel III, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Thông tư 50/2026/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại, có hiệu lực từ ngày 01/12/2026.
- Ba chỉ số mới—LCR, NSFR và LEV (Bảng 1)—được giới thiệu kèm lộ trình áp dụng từng bước nhằm tạo đủ thời gian chuẩn bị cho các ngân hàng dựa trên mức độ sẵn sàng vận hành. Trước khi chuyển đổi hoàn toàn sang khung quy định mới, các ngân hàng sẽ tiếp tục tuân thủ các chỉ số hiện hành, bao gồm tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR), tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.
- Các ngân hàng sở hữu nền tảng tiền gửi bán lẻ vững chắc, bộ đệm vốn dày và tỷ trọng nguồn vốn dài hạn cao hơn sẽ thuận lợi hơn đáng kể trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn tuân thủ so với các ngân hàng cùng ngành.

Ngành ngân hàng duy trì đà tăng trưởng hai chữ số trong 3Q26

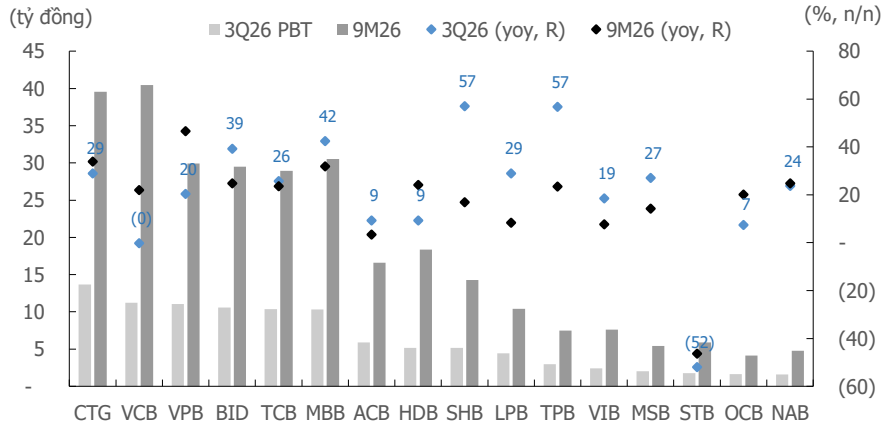
Biểu đồ 2. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế (PBT)



Nguồn: FiinproX, KIS Research.
Ghi chú: PBT là lợi nhuận trước thuế

Trong 3Q26, có 20/27 ngân hàng đạt mức tăng trưởng n/n. Các ngân hàng tăng trưởng vượt trội n/n gồm: NVB, ABB, SHB, TPB, MBB, BID, SSB. Các ngân hàng suy giảm gồm: STB, EIB, SGB, BVB, KLB, PGB; trong khi VCB đi ngang.

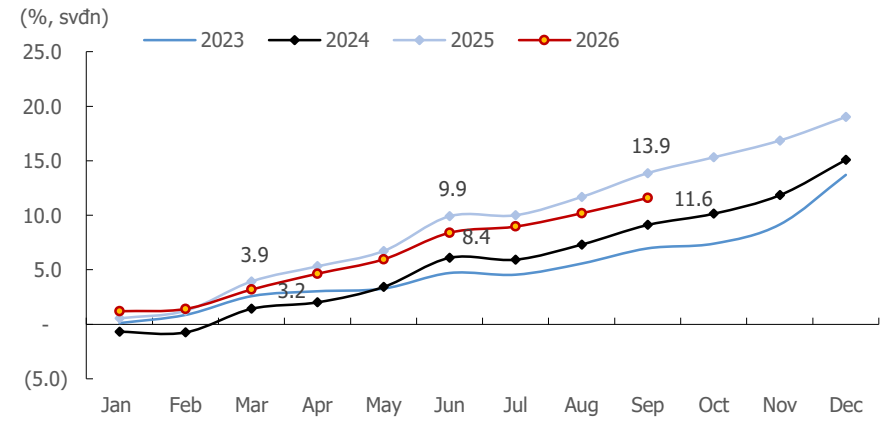
Biểu đồ 3. KQKD 3Q26: 20/27 ngân hàng ghi nhận tăng trưởng dương



Nguồn: Ngân hàng, KIS Research
Ghi chú: PBT là lợi nhuận trước thuế

Tăng trưởng tín dụng vẫn đi đúng lộ trình, mặc dù chậm hơn so với tốc độ của năm ngoái và đang ngày càng có xu hướng tập trung hơn.

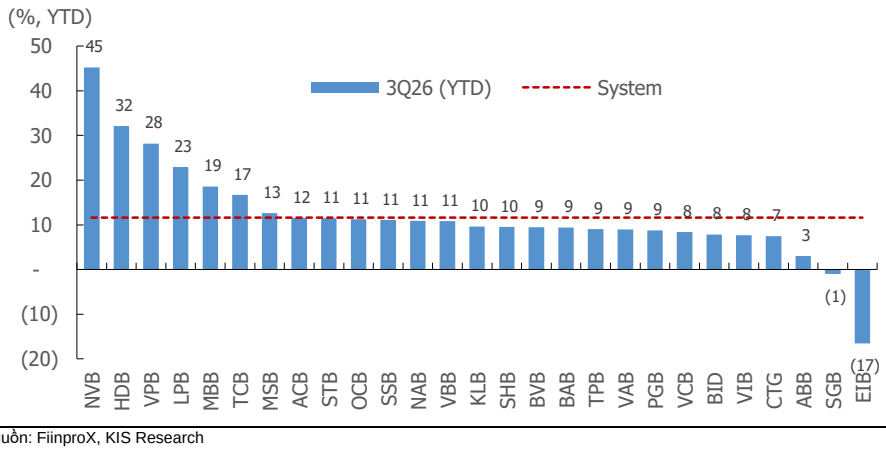
Biểu đồ 4. Tăng trưởng tín dụng trong 3Q26



Nguồn: SBV, KIS Research

6 ngân hàng tăng trưởng vượt mức chung toàn hệ thống: NVB, HDB, VPB, LPB, MBB, TCB; Các ngân hàng EIB, SGB, ABB, CTG, VIB và BID tăng trưởng chậm.

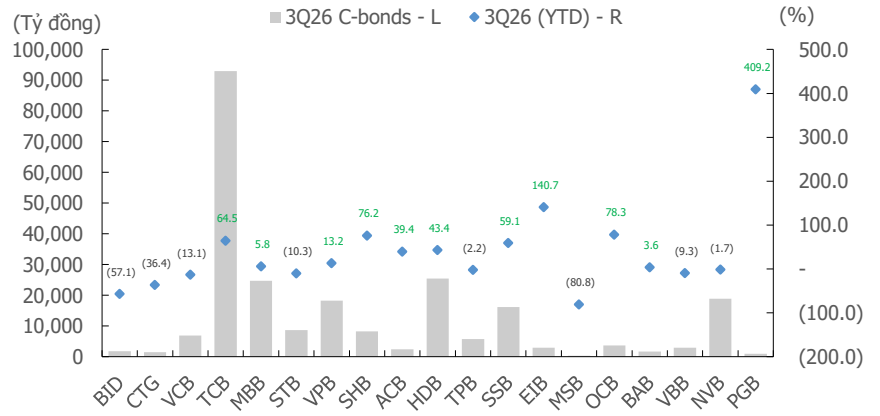
Biểu đồ 5. Tăng trưởng tín dụng cao tập trung ở một số ít ngân hàng



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ngoài ra, 11 trên tổng số 19 ngân hàng công bố báo cáo đã gia tăng lượng nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp.

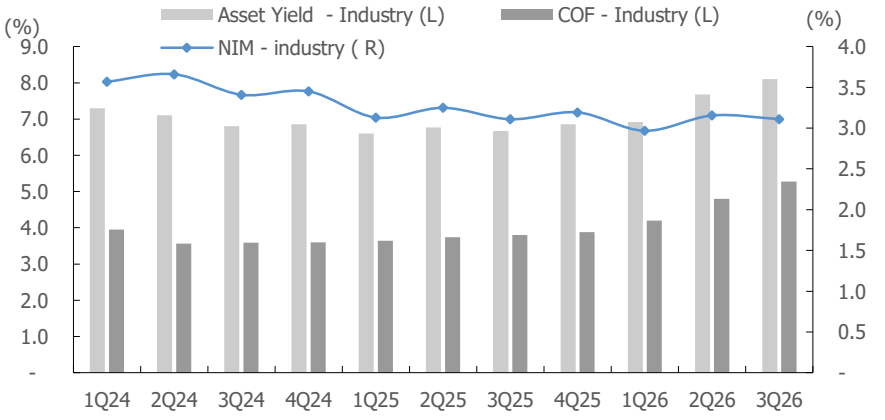
Biểu đồ 6. Trái phiếu doanh nghiệp



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: C-bonds – trái phiếu doanh nghiệp

NIM đi ngang so với cùng kỳ năm trước do lợi suất tăng tương đương với tốc độ tăng của chi phí vốn.

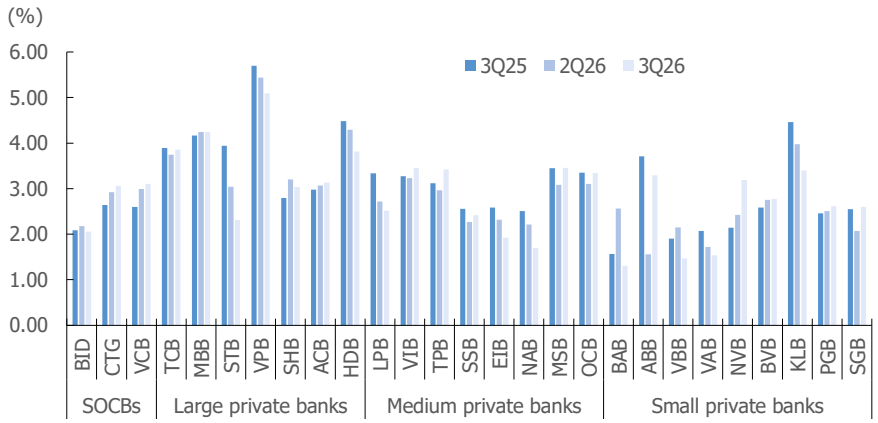
Biểu đồ 7. Biên lãi ròng ngành



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: NIM – biên lãi ròng, Asset yield – tỷ suất sinh lời trên tài sản, COF – chi phí vốn

14/27 ngân hàng cải thiện chỉ số NIM theo quý

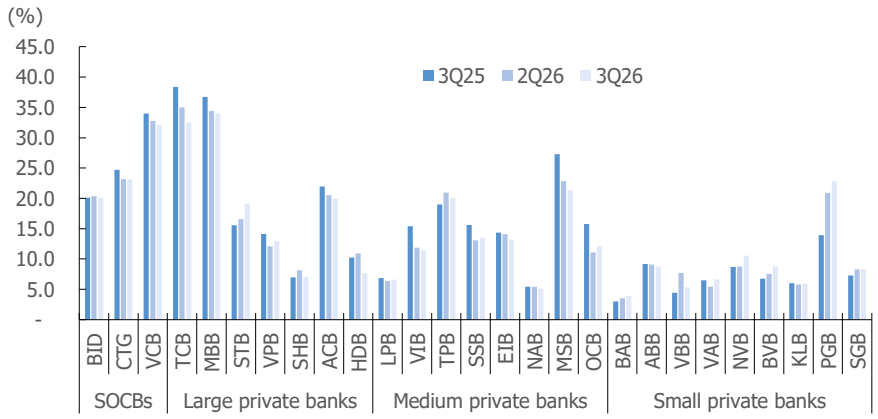
Biểu đồ 8. NIM của các ngân hàng trong 3Q26



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: SOCBs – nhóm NHTMCP nhà nước, Large, medium, and small private banks – nhóm ngân hàng tư nhân lớn, vừa, và nhỏ

Tỷ lệ CASA toàn ngành giữ vững trong 3Q26 giữa bối cảnh diễn biến trái chiều theo quý (12/27 ngân hàng tăng)

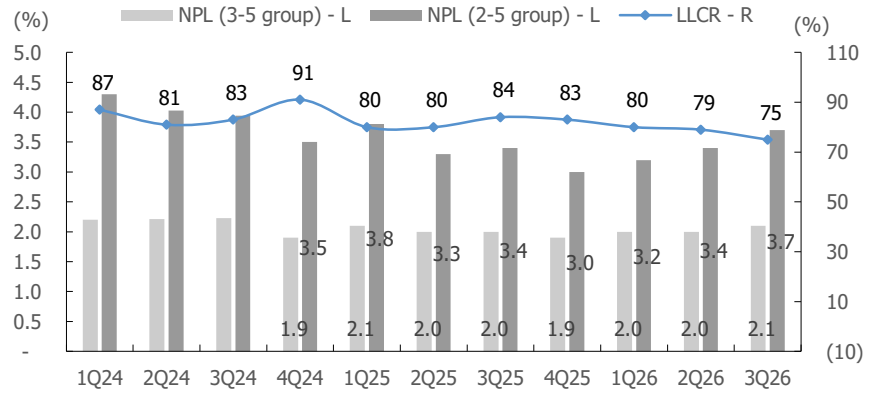
Biểu đồ 9. Tỷ lệ CASA



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: SOCBs – nhóm NHTMCP nhà nước, Large, medium, and small private banks – nhóm ngân hàng tư nhân lớn, vừa, và nhỏ

Chất lượng tài sản suy giảm: nợ xấu gia tăng và bộ đệm dự phòng rủi ro tín dụng mỏng

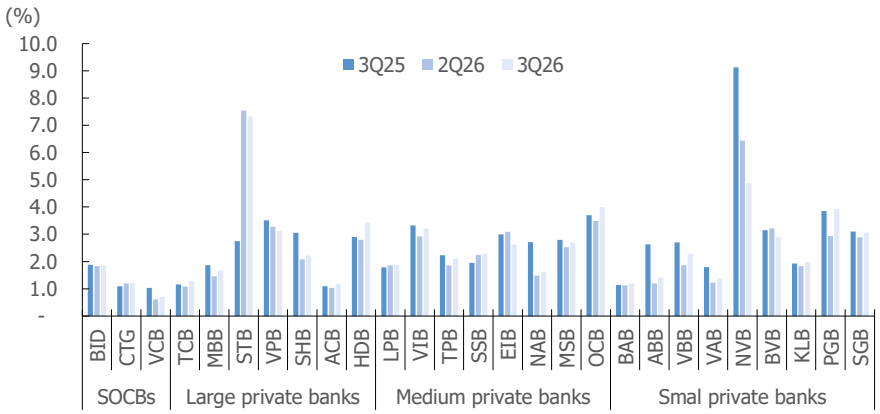
Biểu đồ 10. Nợ xấu (27 ngân hàng)



Nguồn: FiinproX, KIS Research,
Ghi chú: NPL – nợ xấu, LLCR – tỷ lệ bao phủ nợ xấu

Áp lực chất lượng tài sản diễn ra trên diện rộng khi 22/27 ngân hàng ghi nhận nợ xấu (NPL) tăng so với cùng kỳ năm trước (n/n).

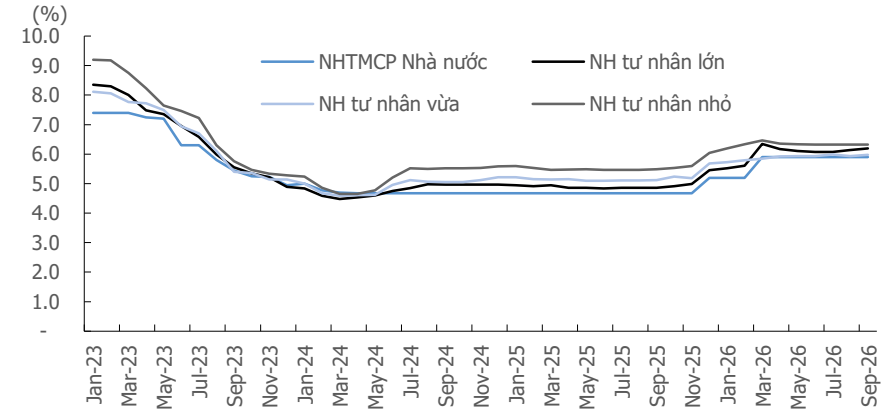
Biểu đồ 11. Nợ xấu (3-5) theo ngân hàng



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: SOCBs – nhóm NHTMCP nhà nước, Large, medium, and small private banks – nhóm ngân hàng tư nhân lớn, vừa, và nhỏ

Lãi suất tiền gửi duy trì xu hướng tăng

Biểu đồ 12. Huy động (12 tháng)



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: SOCBs – nhóm NHTMCP nhà nước, Large, medium, and small private banks – nhóm ngân hàng tư nhân lớn, vừa, và nhỏ

Bảng 1. Các chỉ số trọng yếu tại Thông tư 50/2026/TT-NHNN

Chỉ số	Nội dung chính	Từ 01/09/2026 đến 09/2028	10/ 2028	10/ 2029	10/ 2030	10/ 2031	10/ 2032	10/ 2033
LCR	Đo lường mức độ đáp ứng của tài sản thanh khoản chất lượng cao (HQLA) trước dòng tiền ra ròng trong 30 ngày trong kịch bản căng thẳng; yêu cầu áp dụng theo lộ trình và xây dựng hệ thống.	Giai đoạn chuẩn bị hoặc đăng ký áp dụng sớm	50%	60%	70%	80%	90%	100%
NSFR	Đánh giá nguồn vốn ổn định sẵn có dài hạn; tỷ lệ tối thiểu được nâng dần lên mức 100%.	Giai đoạn chuẩn bị hoặc đăng ký áp dụng sớm	95%	95%	100%	100%	100%	100%
LDR	Bao gồm Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR), các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, cũng như tỷ lệ nắm giữ/đầu tư tối đa đối với trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.	Áp dụng cơ chế chuyển tiếp	Mức trần 95% theo luật mới	Tiếp tục thực hiện theo cơ chế đang áp dụng (từ 10/2029 trở đi)				
LEV	Bổ sung cho các tỷ lệ an toàn vốn dựa trên rủi ro bằng một giới hạn đòn bẩy không dựa trên rủi ro	Chưa áp dụng ngưỡng bắt buộc chung kể từ ngày có hiệu lực	Thực hiện theo quyết định của NHNN					

Source: SBV, KIS Research

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**
  - MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
  - Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
  - Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
  - KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**
  - Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

- **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

  Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- **Thông tin công khai quan trọng**

  Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

  Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

  KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

  KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

  KIS Vietnam Securities Corp. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

  KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/05/2025.
  KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.
  Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/05/2025.

  Người thực hiện: Phòng phân tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tại liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình Biểu đồ tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình Biểu đồ tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền ⓒ 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..